

**MẪU SỐ 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC  
VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG  
(KWACO)**



**BÁO CÁO**

**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch Quý III năm 2024**  
*(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)*

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty CP cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường
- Địa chỉ: 119 Bạch Đằng, phường 2, thị xã Kiến Tường, Long An
- Công suất thiết kế: 9.040 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước khoảng 9.368 hộ.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): nước ngầm.
- Thời gian kiểm tra:
  - + Tháng 07/2024: ngày lấy mẫu 17/07/2024; ngày trả kết quả 20/07/2024
  - + Tháng 08/2024: ngày lấy mẫu 26/08/2024; ngày trả kết quả 29/08/2024
  - + Tháng 09/2024: ngày lấy mẫu 01/10/2024; ngày trả kết quả 04/10/2024
- Người kiểm tra: Lê Ngọc Châu
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
  - Số mẫu: 04 mẫu
  - Vị trí lấy mẫu:
    - Nhà máy nước số 1+3, Kiến Tường;
    - Nhà máy nước số 2+4, Kiến Tường;
    - Nhà máy nước Cái Cát, Kiến Tường;
    - Nhà máy nước Mộc Hóa.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Phiếu Kết quả xét nghiệm.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Các chỉ tiêu xét nghiệm đạt theo QCDP 01: 2022/LA

*(Đính kèm Kết quả thử nghiệm)*

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)**

**Đ. ĐỀ NGHỊ:**

Không có

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)**

**Đ. ĐỀ NGHỊ:**

Không có

Kiến Tường, ngày 05 tháng 10 năm 2024  
Người kiểm tra



Lê Ngọc Châu



**MẪU SỐ 06**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp kết quả chất lượng nước sạch quý III năm 2024**

(Dùng cho đơn vị cấp nước)

Quý I  Quý II  Quý III  Quý IV

(Báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng 01; tháng 4; tháng 7 và tháng 10 đến ngày cuối cùng của tháng 3; tháng 6; tháng 9; tháng 12 hằng năm)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty CP cấp thoát nước và Môi trường Kiên Tường
- Địa chỉ: 119 Bạch Đằng, phường 2, thị xã Kiên Tường, Long An
- Công suất thiết kế 9.040 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước khoảng 9.368 hộ.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): nước ngầm.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước, tần suất thực hiện nội kiểm và chế độ thông tin báo cáo

Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước			Số lượng mẫu và các thông số thử nghiệm nội kiểm trong kỳ báo cáo (đầy đủ theo quy định hay không)	Tần suất thực hiện nội kiểm (đúng theo quy định hay không)	Chế độ thông tin báo cáo (đúng theo quy định hay không)	Các biện pháp khắc phục (có hay không)
Lập hồ sơ (có hay không)	Hồ sơ đầy đủ theo quy định (có hay không)	Nếu không đầy đủ thì thiếu tài liệu gì				
Có	Hồ sơ đầy đủ		Đầy đủ	- Các chỉ tiêu mức B - 6 tháng/lần. (đúng quy định) - Các chỉ tiêu mức A - tháng/lần (bắt đầu thực hiện) - Các chỉ tiêu mức C chưa thực hiện.	Đúng quy định	

Nhận xét:

2. Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo

(Một mẫu nước đạt quy chuẩn là đạt tất cả các thông số theo quy định hiện hành)

Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm: 04 (mẫu)

Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 04 (mẫu).

Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: 0 (mẫu)

Tỷ lệ mẫu không đạt quy chuẩn: 0%

Các chỉ tiêu không đạt: không có

**C. KẾT QUẢ NGOẠI KIỂM**

1. Các đơn vị thực hiện ngoại kiểm: không có

TT	Tên đơn vị thực hiện ngoại kiểm	Số lần ngoại kiểm	Nội dung ngoại kiểm	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước (có, không)
1.				
2.				

2. Kết quả ngoại kiểm

TT	Nội dung ngoại kiểm	Đạt (Số lượng, tỷ lệ%)	Không đạt (Số lượng, tỷ lệ%)
1.	Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước - Lập hồ sơ - Hồ sơ đầy đủ theo quy định		
2.	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước nội kiểm - Số mẫu - Kết quả (số mẫu, tỷ lệ %) - Các thông số không đạt		
3.	Thực hiện báo cáo, công khai thông tin - Báo cáo - Công khai thông tin		

4.	Thực hiện các biện pháp khắc phục		
5.	Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước của cơ quan ngoại kiểm - Số mẫu - Kết quả (số mẫu, tỷ lệ %) - Các thông số không đạt		
6.	Công khai thông tin chất lượng nước - Thông báo cho đơn vị cấp nước - Công khai trên trang thông tin của cơ quan ngoại kiểm - Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền - Thông báo cho đơn vị chủ quản		

**D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

.....  
 .....

Kiến Tường, ngày 05 tháng 10 năm 2024



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Vũ Duy Hạnh

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/07/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y260G2622

Mã KQ/ RP. No: 003047901.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 17/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 17/07/2024 - 20/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC SỐ 1+3, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.008	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.231	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.39	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.78	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HUỲNH TẤN CƯỜNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/07/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y260G2622

Mã KQ/ RP. No: 004047902.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 17/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 17/07/2024 - 20/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC SỐ 2+4, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (**)	0.004	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (**)	0.450	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.91	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.51	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/07/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y260G2622

Mã KQ/ RP. No: 001047899.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 17/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 17/07/2024 - 20/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC CÁI CÁT, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.007	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.45	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.55	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.46	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN



HUỲNH TẤN CƯỜNG

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c) : Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 20/07/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y260G2622

Mã KQ/ RP. No: 002047900.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 17/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 17/07/2024 - 20/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC - HUYỆN MỘC HÓA
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (**)/ Arsenic (As) (**)	0.004	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (**)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (**)	0.40	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (**)/ Turbidity (*)	1.28	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (**)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (**)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (**)/ pH value (*)	7.24	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

HUYNH TẤN CƯỜNG

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y288I0022

Mã KQ/ RP. No: 005063417.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 26/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 26/08/2024 - 29/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC SỐ 1+3, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.007	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.46	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	1.14	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Vết/ Trace 1.90 (< LOQ = 5.00)	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.75	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5



*[Handwritten signature]*

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y28810022

Mã KQ/ RP. No: 005063417.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
-------------	---	-----------------------	-----------------	-------------	---------------------------------	------------------------

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.GPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.

4.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

**Telephone: (+84) 28.7302.4687**

**Website: <http://tsl-net.com.vn>**

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y28810022

Mã KQ/ RP. No: 001063413.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 26/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 26/08/2024 - 29/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC SỐ 2+4, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.004	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.42	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.66	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.88	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y288I0022

Mã KQ/ RP. No: 001063413.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	------------------------

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.

4.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y288I0022

Mã KQ/ RP. No: 002063414.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : **119 BẠCH ĐĂNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : **26/08/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : **26/08/2024 - 29/08/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC CÁI CÁT, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : **Mẫu chứa trong can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	Q.CĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.007	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.39	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.72	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ		-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.82		-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tap New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y28810022

Mã Q/ RP. No: 002063414.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
<b>Chú thích/ Remarks:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA. 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection. 4.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.						

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

HUỲNH TẤN CƯỜNG

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y288I0022

Mã QK/ RP. No: 004063416.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 26/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 26/08/2024 - 29/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC - HUYỆN MỘC HÓA
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.004	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.48	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.39	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	8.07	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 29/08/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y28810022

Mã KQ/ RP. No: 004063416.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /LA
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	------------------------

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.

4.Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 003075806.00

1. **Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**
2. **Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
3. **Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 01/10/2024
4. **Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 01/10/2024 - 04/10/2024
5. **Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC SỐ 1+3, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**
6. **Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. **Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.009	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.42	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.97	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 003075806.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử Nghiệm/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
8	pH (*)/ pH value (*)	7.72	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

HUYỄN TẤN CƯỜNG



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 004075807.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 01/10/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 01/10/2024 - 04/10/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC SỐ 2+4, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.002	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.40	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.26	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 004075807.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GPHH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
8	pH (*)/ pH value (*)	7.58	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

#### Chú thích/ Remarks:

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GPHH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



HUYỀN TẤN CƯỜNG

#### TSL SCIENCE CO.,LTD

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 001075804.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 01/10/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 01/10/2024 - 04/10/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC CÁI CÁT, THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.003	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.38	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.68	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ



*Handwritten signature in blue ink.*

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 001075804.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
8	pH (*)/ pH value (*)	7.50	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

HUYỄN TẤN CƯỜNG



QUALITY BUILDS TRUST ✓

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 002075805.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG KIẾN TƯỜNG
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : 119 BẠCH ĐẰNG - PHƯỜNG 2 - THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG - LONG AN
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 01/10/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 01/10/2024 - 04/10/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ MÁY NƯỚC - HUYỆN MỘC HÓA
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:202/LA
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.002	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) (*)/ Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) (*)	0.225	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.29	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ



## TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/10/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y274J0639

Mã KQ/ RP. No: 002075805.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	5.00 QCĐP 01:2022/LA KIỂM NGHIỆM SL NHÀ TY TNHH A HỌC SL TP. HỒ CHÍ MINH
8	pH (*)/ pH value (*)	7.34	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu phù hợp theo QCĐP 01:2022/LA.

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04